

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2026

Về việc: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Đỗ Thị A;

2. Ông Hồ Vũ Trường Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 27 đường Thành Thái, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2026/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Bùi Thị Kim P, sinh ngày: 18/06/1981, số CCCD: 083181010049, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 12/11/2021. (có mặt)

Địa chỉ: 185/12/12/7 Nguyễn Phúc Chu, phường T, Thành phố H.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Đăng K, sinh ngày: 22/9/1982, số CCCD: 079082013975, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 22/11/2021. (có mặt)

Địa chỉ: 185/12/12/7 Nguyễn Phúc Chu, phường T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2025 và bản tự khai, bà Bùi Thị Kim P trình bày:

Bà Bùi Thị Kim P và ông Nguyễn Đăng K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 64/2005, quyển số 01, ngày 18/7/2005. Thời gian đầu, cả hai chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng kể từ đầu năm 2022, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, ông K không có trách nhiệm với gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc,

không còn tình yêu. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm, cố gắng dung hòa những mâu thuẫn, nhưng vẫn không có kết quả. Hiện tại ông K và bà P đã sống ly thân từ tháng 01/2022. Nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề cho cả hai có thể sớm ổn định cuộc sống riêng phù hợp, bà Bùi Thị Kim P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

Về con chung: Có 03 con chung, bao gồm: ông Nguyễn Nhật H, sinh ngày 14/12/2005; ông Nguyễn Nhật K, sinh ngày 14/12/2005 và trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/12/2017. Ông Nguyễn Nhật H và ông Nguyễn Nhật K đã trưởng thành nên bà Bùi Thị Kim P yêu cầu được nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị Kim P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng K trình bày trong bản tự khai:

Bà Bùi Thị Kim P có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đăng K, và không đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị Kim P vì yêu gia đình. Việc bà Bùi Thị Kim P nói ông không có trách nhiệm với gia đình và việc hiện cả hai đang ly thân là không đúng. Ông K vẫn đưa đón, chăm sóc, nộp tiền học phí cho trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T cho đến thời điểm hiện tại. Thời điểm tháng 10/2023 do khó khăn về kinh tế nên ông K không góp được tiền thuê nhà nên để cho chị P phải trả tiền.

Về con chung: Có 03 con chung, bao gồm: ông Nguyễn Nhật H, sinh ngày 14/12/2005; ông Nguyễn Nhật K, sinh ngày 14/12/2005 và trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/12/2017. Ông Nguyễn Nhật H và ông Nguyễn Nhật K đã trưởng thành, còn trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T để cho con tự quyết định.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2005, quyền số 01, ngày 18/7/2005 của Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Kim P và ông Nguyễn Đăng K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay

bà Bùi Thị Kim P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đăng K là tranh chấp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: do bị đơn ông Nguyễn Đăng K cư trú tại 185/12/12/7 Nguyễn Phúc Chu, phường T, Thành phố H, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án ngày 25/6/2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, bà P trình bày rằng thời gian đầu, cả hai chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng kể từ đầu năm 2022, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, ông K không có trách nhiệm với gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình yêu. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm, cố gắng dung hòa những mâu thuẫn, nhưng vẫn không có kết quả. Hiện tại ông K và bà P đã sống ly thân từ tháng 01/2022. Nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, để cho cả hai có thể sớm ổn định cuộc sống riêng phù hợp nên bà P nộp đơn xin ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

[3.2] Về con chung Có 03 con chung, bao gồm: ông Nguyễn Nhật H, sinh ngày 14/12/2005; ông Nguyễn Nhật K, sinh ngày 14/12/2005 và trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/12/2017. Ông Nguyễn Nhật H và Ông Nguyễn Nhật K đã thành niên, còn trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T có đơn trình bày nguyện vọng ở với bà P nên yêu cầu của bà P có cơ sở xem xét chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà P và ông K đều khai không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: bà P chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

[1] Về quan hệ vợ chồng: Bà Bùi Thị Kim P được ly hôn Ông Nguyễn Đăng K.

[2] Về con chung: Có 03 con chung, bao gồm: ông Nguyễn Nhật H, sinh ngày 14/12/2005; ông Nguyễn Nhật K, sinh ngày 14/12/2005 và trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 08/12/2017. Ông Nguyễn Nhật H và ông Nguyễn Nhật K đã thành niên, giao con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Bảo T cho bà Bùi Thị Kim P nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà Bùi Thị Kim P không yêu cầu ông Nguyễn Đăng K cấp dưỡng.

Ông Nguyễn Đăng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Bùi Thị Kim P chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001850 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị Kim P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV.4, TP.HCM;
- Phòng THADS KV.4, TP.HCM;
- UBND P. Tân Sơn, TP.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn